

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU**  
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental  
protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng (TCM's status): Chưa qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY TNHH MÁY MÓC FULI VIỆT NAM

Địa chỉ (Address): Tầng 15, khối B Toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Loại xe máy chuyên dùng (TCM's type): Máy đào bánh xích

Nhãn hiệu (Trade mark): SANY

Tên thương mại (Commercial name): SY750H Pro

Số khung (Chassis Nº): SYK11075CT3C00001

Nước sản xuất (Production country): CHINA

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration Nº/date): 107919727310/23/01/2026

Số biên bản kiểm tra (Inspection record Nº): 001600/26MC-050/001

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 24/02/2026 / Thành phố Hà Nội

Số đăng ký kiểm tra (Registered Nº for inspection): 001600/26MC

Mã kiểu loại (Model code): SY750H

Màu xe (Vehicle color): Vàng; Đen

Số động cơ (Engine Nº): 6WG1674326

Năm sản xuất (Production year): 2026

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN**  
(Major technical specification)

|                                                                        |                                            |        |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------|
| Khối lượng bản thân (Kerb mass):                                       | 77200                                      | kg     |
| Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):      | 12865 x 4320 x 4855                        | mm     |
| Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type):                     | GH-6WG1XKSC-02, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng |        |
| Loại nhiên liệu (Fuel):                                                | Diesel                                     |        |
| Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (Max. engine output/ rpm): | 377/1800                                   | kW/rpm |
| Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max travelling speed):                     | 4,5                                        | km/h   |

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG**  
(Special technical specification)

|                                                |            |                |
|------------------------------------------------|------------|----------------|
| Thể tích gầu (Bucket capacity):                | 4,6        | m <sup>3</sup> |
| Kiểu gầu (Bucket type):                        | Gầu nghịch |                |
| Bán kính đào lớn nhất (Max digging reach):     | 12050      | mm             |
| Chiều cao đổ lớn nhất (Max dumping clearance): | 7250       | mm             |

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satisfied with requirements of the Circulars Nº 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15<sup>th</sup>, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

**Cơ quan chứng nhận**

(Certification body)

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**



Ký bởi: TRUNG TÂM ĐĂNG  
KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO  
THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ  
ĐƯỜNG SẮT  
Email: nvicc@vr.org.vn  
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KÝ  
VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG  
Thời gian: 25/02/2026  
17:28:53

**Đỗ Văn Kha**

Ký bởi: Đỗ Văn Kha  
Email:  
khavaq.vr@mt.gov.vn  
Cơ quan: CỤC ĐĂNG  
KÝ VIỆT NAM, BỘ  
XÂY DỰNG  
Thời gian: 25/02/2026  
17:28:51